

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M L
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----***----

Bản án số: 02 /2020/HSST

Ngày: 14/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M L, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim

Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Ngô Minh Thủy

2- Ông Nguyễn Văn Cử

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký TAND huyện M L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thập - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M L xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 150/HSST ngày 27 tháng 12 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Tùng D, sinh năm 1992; Nơi cư trú: tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh V; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn V, sinh năm 1964, con bà Hoàng Thị T, sinh năm 1969; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

-Người bị hại: Anh Nguyễn Văn M- SN 1997

Trú tại: thôn Đ- xã N- TP P- tỉnh V (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Anh V- SN 1981

Trú tại: tổ 16- phường H- TP P- tỉnh V (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h00’ ngày 05/9/2019, Phạm Tùng D cùng các anh Nguyễn Hồng P, Nguyễn Chí C và Nguyễn Văn M đi từ phòng trọ của anh P ở thôn 1, xã T, huyện M L, thành phố Hà Nội đến phòng trọ của anh Nguyễn Tuấn A ở cùng thôn để nấu nướng, ăn uống. Đến khoảng 23h00’ cùng ngày, sau khi ăn uống

xong, anh M điều khiển xe mô tô Honda Wave anpha màu xám-đen-bạc, BKS: 88H1-142.63 của mình chở anh C ngồi phía sau đi về phòng trọ của anh P trước. Khi về đến xóm trọ, anh M dựng xe máy ở sân, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa rồi cùng anh C đi vào phòng trọ của anh P ngồi chơi. Khoảng 30 phút sau, Phạm Tùng D đi từ phòng trọ của Tuấn A về phòng trọ của anh P. Khi về đến nhà trọ, D nhìn thấy chiếc xe mô tô Honda Wave anpha màu xám-đen-bạc, BKS: 88H1 - 142.63 của anh M đang để ở sân, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa, D quan sát không thấy anh M nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe. Lúc này, có bạn của anh P tên là Th đang đứng ở sân, D rủ Th đi lên thành phố P để chơi, Th đồng ý. Sau đó, D lấy chiếc xe máy Honda Wave anpha màu xám-đen-bạc, của anh M chở Th đi đến khu vực phường T, thành phố P, tỉnh V. Khi đến khu vực ngã ba cây đa thuộc phường T, D bảo Th đứng ở ngoài chờ còn Th đi vào quán ăn đêm ở gần khu vực cây đa gặp anh Nguyễn Tiến T đang ngồi ăn với anh Lê Anh V. D bảo anh T cho mình cầm cố chiếc xe mô tô lấy 3.000.000đ nhưng T nói là không có tiền. Lúc này, anh V nói với D: “*Anh không làm cầm đồ nhưng anh có 3.000.000đ đây, cho mày vay*”. Anh V đưa tiền cho D, D cầm tiền và để lại chiếc xe và hẹn ngày hôm sau sẽ gặp anh V trả tiền để lấy lại xe. Sau đó, Phạm Tùng D đã tiêu sài cá nhân hết số tiền 3.000.000đ.

Khoảng 23h45’ ngày 05/9/2019, anh Nguyễn Văn M ra lấy xe mô tô để đi về nhà thì không thấy xe nữa. Anh M nghi ngờ D là người lấy xe mô tô của mình nên đã nhiều lần liên lạc với D nhưng không được. Do vậy, ngày 10/9/2019, anh M đến Công an xã T, huyện M L trình báo toàn bộ sự việc.

Tại cơ quan CSĐT- Công an huyện M L, Phạm Tùng D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* **Vật chứng vụ án:** Ngày 11/9/2019, Đoàn công an T đã tạm giữ: 01 chiếc xe máy Honda Wave anpha màu xám-đen-bạc, BKS: 88H1 - 142.63, số khung: RLHHC1219DY414567, số máy: HC12E5414782.

Tại Thông báo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 96/TBKL-HĐĐG ngày 18/9/2019 của hội đồng định giá tài sản huyện M L kết luận: 01 chiếc xe máy Honda Wave anpha màu xám-đen-bạc, BKS: 88H1-142.63, số khung: RLHHC1219DY414567, số máy: HC12E5414782 (xe đã qua sử dụng) có giá trị còn lại là: **9.000.000đ** (Chín triệu đồng chẵn).

Quá trình điều tra làm rõ, ngày 22/10/2019 Cơ quan CSĐT - Công an huyện M L đã trả lại chiếc xe mô tô Honda Wave anpha màu xám-đen-bạc, BKS: 88H1 - 142.63 cho chủ sở hữu anh Nguyễn Văn M. Sau khi nhận lại xe, anh M không có yêu cầu đề nghị gì khác về mặt trách nhiệm dân sự.

Đối với anh Lê Anh V là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô Honda Wave anpha màu xám-đen-bạc, BKS: 88H1 - 142.63 của Phạm Tùng D, quá trình điều tra xác định: khi nhận cầm cố, anh V không biết chiếc xe mô tô là tài sản do D

phạm tội mà có nên không có căn để xem trách nhiệm lý hình sự đối với anh V. Tuy nhiên, hành vi của Lê Anh V đã vi phạm hành chính với lỗi “*Hoạt động kinh doanh ngành, nghề có điều kiện về an ninh, trật tự mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013. Cơ quan CSĐT-Công an huyện M L đã có công văn đề nghị UBND thành phố P, tỉnh V ra quyết định xử phạt hành chính đối với anh Lê Anh V theo quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông tên Th là người đi cùng Phạm Tùng D: quá trình điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể. Bản thân, Phạm Tùng D khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp một mình, không bàn bạc, thống nhất gì với Th nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo Phạm Tùng D đã bồi hoàn cho anh Lê Anh V số tiền 3.000.000đ tiền cầm cố chiếc xe mô tô.

Tại bản cáo trạng số 03/CT – VKS ngày 25 tháng 12 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện M L truy tố Phạm Tùng D về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội đối với bị cáo giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt Phạm Tùng D từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Vật chứng vụ án: không. Trách nhiệm dân sự: không xem xét.

Bị cáo Phạm Tùng D nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì khác. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của mình, đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ, khoan hồng và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M L, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]- Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra và phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Tùng D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, phù hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án, vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định:

Khoảng 23h30' ngày 05/9/2019, Phạm Tùng D đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Wave anpha màu xám-đen-bạc, BKS: 88H1-142.63 của anh Nguyễn Văn M tại thôn 1, xã T, huyện M L, thành phố Hà Nội. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: **9.000.000đ (Chín triệu đồng chẵn)**. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Cụ thể điều luật quy định:

1- Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xét xử nghiêm trước pháp luật, nhằm giáo dục riêng và đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội. Bản thân bị cáo là người có tuổi đời còn trẻ, có nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật tuy nhiên do ham chơi, lười lao động, ham lợi vật chất nên khi thấy người khác sơ hở bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản tiêu sài cá nhân. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi hoàn số tiền 3.000.000đ cho anh V; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại và người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác, đây là các tình tiết giảm nhẹ được hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự nên không cần thiết cách ly khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo như vậy cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo sau này.

[3]- Về vật chứng vụ án: không

[4]- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì khác nên HĐXX không xem xét.

[5]- Án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Tùng D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Tùng D **10** (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Tùng D cho UBND phường T, thành phố P, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Vật chứng vụ án: không

Trách nhiệm dân sự: không

Án phí: Áp dụng: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*), tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 BLTTHS. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mê Linh;
- Công an huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- Bị cáo; Bị hại
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Diệu Kim

